|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/NQ-HĐND | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2024* |

**ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách** **hỗ trợ cho một số đối tượng khó khăn hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng và** **chính sách hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khó khăn hưởng trợ cấp đột xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA …….. , KỲ HỌP THỨ ………**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của**[Luật Trẻ em](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx" \t "_blank);*

*Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em;*

*Căn cứ Nghị định số*[*20/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/nghi-dinh-20-2021-nd-cp-chinh-sach-tro-giup-xa-hoi-doi-voi-doi-tuong-bao-tro-xa-hoi-467723.aspx)*ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Xét Tờ trình số ……./TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho một số đối tượng khó khăn hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng và chính sách hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khó khăn hưởng trợ cấp đột xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho một số đối tượng khó khăn hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng và chính sách hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khó khăn hưởng trợ cấp đột xuất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn chưa được hưởng chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Chế độ trợ giúp xã hội thường xuyên**

1. Các đối tượng khó khăn được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng

a) Trẻ em bị xâm hại tình dục phải sinh con và đang nuôi con; trẻ em là con trẻ em bị xâm hại tình dục sinh ra.

b) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và bị người còn lại bỏ rơi hoặc không xác định được người còn lại hoặc người còn lại bỏ đi mất tích (từ 02 năm trở lên) chưa được tòa án tuyên mất tích hoặc chết, sống với ông, bà hoặc người nuôi dưỡng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (*nơi đối tượng cư trú*) xác nhận.

c) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS không thuộc hộ nghèo.

d) Trẻ em bị mắc các bệnh hiểm nghèo phải nằm điều trị tại các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên *(danh mục 42 loại bệnh theo phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP)*

e) Trẻ em có cha hoặc mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

2. Mức trợ giúp xã hội

a) Đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này được trợ cấp xã hội hàng tháng bằng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội hiện hành của tỉnh Đồng Nai quy định nhân với hệ số 1,0 và được hưởng đầy đủ các chính sách đối với đối tượng bảo trợ theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

b) Trường hợp đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện hưởng các mức theo các hệ số khác nhau hoặc thuộc diện được hưởng nhiều chính sách trợ cấp, hỗ trợ hàng tháng theo quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

**Điều 3. Chế độ trợ giúp xã hội đột xuất**

1. Đối tượng

a) Trẻ em là nạn nhân bị xâm hại tình dục hoặc bị bạo lực hoặc là nạn nhân của tội phạm mua bán người hoặc tội phạm bắt cóc.

b) Trẻ em là nạn nhân bị bạo lực, bị ngược đãi, bị tai nạn thương tích.

c) Trẻ em lao động sớm, lao động phụ giúp kinh tế gia đình; trẻ em có cha và mẹ bị tạm giam, tạm giữ từ 02 tháng trở lên.

d) Trẻ em được sinh từ mẹ nhiễm HIV/AIDS.

2. Mức hỗ trợ

a) Đối tượng tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 3.000.000 đồng/trường hợp (Có giấy xác nhận Công an xã khi bị xâm hại tình dục hoặc bị bạo lực hoặc là nạn nhân của tội phạm mua bán người hoặc tội phạm bắt cóc).

- Hỗ trợ 4.000.000 đồng/trường hợp (Có hồ sơ điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên khi bị thương tích).

- Hỗ trợ: 10.000.000 đồng/trường hợp (Có giấy chứng tử).

b) Đối tượng tại Điểm b, Khoản 1, Điều 3 được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ: 4.000.000 đồng/trường hợp (Có hồ sơ điều trị tại cơ sở y tế tuyến huyện trở lên khi bị thương tích).

- Hỗ trợ: 10.000.000 đồng/trường hợp (Có giấy chứng tử).

c) Đối tượng tại Điểm c, Khoản 1, Điều 3 được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ chi phí học tập với mức 150.000đ/học sinh/tháng để mua sách, vở và đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học.

d) Đối tượng tại Điểm d, Khoản 1, Điều 3 được hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ tiền sữa thay thế sữa mẹ 6.000.000đ/trường hợp (Có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

**Điều 4.** **Tặng quà các ngày lễ:** **Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, Lễ kỷ niệm ngày của Tôn giáo đối với cơ sở thuộc tổ chức tôn giáo trên địa bàn tỉnh**

1. Tặng quà nhân dịpNgày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu

a) Đối tượng: Trẻ em đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội ở cộng đồng và các cơ sở trợ giúp xã hội.

b) Định mức: 300.000 đồng/em/lần.

2. Tặng quà nhân dịp ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4 hàng năm

a) Đối tượng: Người khuyết tật vượt khó, vươn lên trong cuộc sống do UBND cấp huyện lựa chọn, 10 người/xã.

b) Định mức: 400.000 đồng/người/năm.

3. Tặng quà các cơ sở trợ giúp xã hội nhân dịp Tết nguyên đán, Lễ kỷ niệm ngày của Tôn giáo đối với cơ sở thuộc tổ chức tôn giáo.

a) Đối tượng: Các cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được cơ quan chức năng cấp phép hoạt động

b) Định mức: 2.000.000 đồng/cơ sở.

**Điều 5.** **Tổ chức** **thi bơi cho trẻ em; tổ chức** **hội thao, hội thi cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

1. Đối tượng

Trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em sống tại các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội trong và ngoài công lập.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

Chi kinh phí khen thưởng cho trẻ em đạt thành tích trong giải thi bơi; đạt giải trong hội thao, hội thi cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như sau:

1. Đối với giải toàn đoàn

- Giải nhất: 2.000.000đ

- Giải nhì: 1.500.000đ

- Giải ba: 1.000.000đ

- Giải khuyến khích: 800.000đ

1. Đối với cá nhân

- Giải nhất: 300.000đ

- Giải nhì: 200.000đ

- Giải ba: 150.000đ

- Giải khuyến khích: 100.000đ

**Điều 6. Quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ**

1. Trình tự, thủ tục trợ cấp thường xuyên

a) Hồ sơ

Tờ khai của đối tượng theo Mẫu số 1a, 1b, 1c theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Trong đó, bổ sung thêm các giấy tờ có liên quan như: Giấy ra viện hoặc giấy xác nhận của Công an cấp xã/huyện hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng

Thực hiện theo Điều 8, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Trình tự, thủ tục trợ cấp đột xuất

a) Hồ sơ

- Đơn đề nghị hỗ trợ đột xuất của cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em *(mẫu đơn ban hành kèm theo Nghị quyết này)*. Trong đó, bổ sung thêm các giấy tờ có liên quan: Giấy ra viện hoặc giấy xác nhận của Công an cấp xã. Trường hợp tử vong có giấy báo tử hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã. Xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về việc trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV/AIDS.

- Danh sách nhận quà theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 4 có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Danh sách nhận quà các Cơ sở theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 theo Quyết định thành lập cơ sở của cấp huyện hoặc cấp tỉnh quản lý.

b) Trình tự, thủ tục

- Cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em làm 01 bộ hồ sơ gồm: Đơn đề nghị kèm theo các giấy tờ có liên quan theo quy định tại Điểm a, 2.1, khoản 2 Điều này, nộp tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú hoặc tạm trú (nộp bằng hình thức trực tiếp, qua bưu chính hoặc bằng hình thức điện tử).

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị hỗ trợ cho trẻ em (kèm theo biên bản họp xét của Ban Điều hành Bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em cấp xã và hồ sơ của trẻ em) gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ và văn bản đề nghị hỗ trợ cho trẻ em của Ủy ban nhân dân cấp xã; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, kiểm tra hồ sơ nếu đảm bảo đầy đủ thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra Quyết định hỗ trợ đột xuất theo đúng đối tượng, nội dung và mức chi quy định tại Nghị quyết này.

- Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành Quyết định hỗ trợ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký ban hành Quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho gia đình có trẻ em được hỗ trợ (cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ của trẻ em) trực tiếp đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nhận tiền hỗ trợ.

- Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội thành lập, quản lý các cơ sở Điểm c Khoản 1 Điều này lập danh sách tặng quà vào các dịp lễ, tết theo chức năng được giao quản lý nhà nước.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả về Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa …., kỳ họp thứ …. thông qua ngày …. tháng …. năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Bộ Tài chính; - Bộ Tư pháp; - Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; - Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh; - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Các Ban HĐND tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh; - Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh; - HĐND và UBND các huyện, thành phố; - Cổng thông tin điện tử Chính phủ; - Trung tâm thông tin tỉnh; - Lưu: VP. | **CHỦ TỊCH**  **Thái Bảo** |

**PHỤ LỤC 2a**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*...............,ngày . . . tháng . . . năm ....*.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Hỗ trợ đột xuất cho trẻ em ……………………………………………..**

**Kính gửi:**UBND xã (phường, thị trấn)……………………………………..

**Họ tên của trẻ**: .................................................................... Nam/ Nữ ...........................

Sinh ngày: …………tháng …………năm…………

Địa chỉ: Ấp ................................... Xã ............................... huyện ..................................

Hoàn cảnh của trẻ (thuộc đối tượng nào nêu rõ): .............................................................

...........................................................................................................................................

(đính kèm hồ sơ có liên quan: Giấy ra viện hoặc xác nhận cơ quan công an hoặc UBND xấp xã hoặc xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền,…).

**Họ tên của cha (mẹ hoặc người giám hộ):**…………………………………………....

Sinh năm:………………. Dân tộc: …………………………………………………….

Số CMND (CCCD) ........................ do ................................... cấp ngày …./ …../ ..........

Hộ khẩu thường trú............................................................................................................

Quan hệ với trẻ ................................................. Điện thoại liên lạc: ................................

Hoàn cảnh gia đình (nêu rõ điều kiện kinh tế của gia đình): ............................................

...........................................................................................................................................

Đề nghị quý cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ đột xuất cho con tôi là:.......................................................................................................................................

Rất mong được được quý cơ quan xem xét giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của ấp, khu phố** *(Ký tên và ghi rõ họ tên)* | **Người làm đơn** *(Ký tên và ghi rõ họ tên )* |

**Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn***(Ký và ghi rõ họ tên chức danh)*

**Phụ lục 2b**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | | |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | | | |  | |
| **CẤP XÃ……………..** | | |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | |  | |
|  |  | |  |  |  |  | |  |  | |
|  |  |  |  |  |  | *…., ngày … tháng .. năm 20* | | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG …………………… ĐƯỢC THĂM HỎI, TẶNG QUÀ NĂM 20……. TRÊN ĐỊA BÀN ………………..** *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ………../2024/NQ-HĐND ngày ….. tháng …… năm 2024 của HĐND tỉnh)* | | | | | | | | | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | | **Loại đối tượng** | **Địa chỉ** | **Số tiền** | **Ký nhận** | **Họ và Tên *(Người ký nhận thay phải ghi rõ quan hệ với đối tượng được nhận)*** |  | |
| **Nam** | **Nữ** |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **CỘNG** | |  |  |  |  | **-** |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | *Bằng chữ: ……………….../.* | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | **Người lập** | |  | **PHÒNG LAO ĐỘNG-TBXH** | | | **UBND CẤP XÃ** | |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

**Phụ lục 2c**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | |  |  | |  |
| **ĐƠN VỊ** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | | | | | | | | | | | | |  | |
| **……………..** | | | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | | | | | | | | | | |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  | | | |  | | |  |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  | *………………., ngày …… tháng …… năm 20………..* | | | | | | |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
| **DANH SÁCH CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐƯỢC TẶNG QUÀ NHÂN DỊP ……………………………..NĂM 20…….** *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ………../2024/NQ-HĐND ngày ….. tháng …… năm 2024 của HĐND tỉnh)* | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
| **STT** | **Tên cơ sở** | | **Loại hình cơ sở** | | | **Địa chỉ** | | | **Đơn vị thành lập** | **Số tiền** | | | **Ký nhận** | | | **Ghi chú** |  | |
|  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
| **CỘNG** | | |  | | |  | | |  | **-** | | |  | | |  |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
|  | *Bằng chữ: ……………….../.* | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
|  | **Người lập** | |  | | |  | | | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** | | | | | | | |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |
|  |  | |  | | |  | | |  |  | | |  | | |  |  | |